TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 564/2021/DS-PT Ngày: 19/10/2021 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Kim Anh

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Kim Thương
Ông Lại Huỳnh Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Đức Toàn, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 181/TLPT-DS ngày 26 tháng 5 năm 2021, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2021/DS-ST ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3132/2021/QĐ-PT ngày 21 tháng 9 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Vương Ngân N**, sinh năm 1958.
Địa chỉ: Số 38 Lầu 2, đường K, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:
Công ty Luật TNHH S.
Địa chỉ: Số 66 đường K, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật:
Ông **Lê Văn D**, sinh năm 1953.
Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Luật TNHH S:
Bà **Trần Thị Kim T** sinh năm 1998.

Địa chỉ: Số 66 đường K, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Theo Văn bản ủy quyền lập ngày 08/10/2021).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn : Ông luật sư Lê Văn Dũng, Công ty Luật TNHH S.

- *Bị đơn:* 1. Bà **Huỳnh Thị Út T1**, sinh năm 1975.
2. Ông **Vương Kính S**, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: Số 60E (lầu 1) đường K, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị Út T1:
Ông **Vương Kính S**, sinh năm 1967.
Địa chỉ: Số 60E (lầu 1) đường K, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Theo Văn bản ủy quyền số công chứng 012374 lập ngày 09/11/2020 tại Văn phòng công chứng Sài Gòn).

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Vương Ngân N và bị đơn bà Huỳnh Thị Út T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 10/8/202, đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 14/3/2021 nguyên đơn trình bày:

Từ năm 2014 đến năm 2017, nguyên đơn có cho vợ chồng bà Huỳnh Thị Út T1, ông Vương Kính S (vợ chồng bị đơn) vay tiền nhiều lần để làm ăn và chi tiêu gia đình, cụ thể thông qua các hợp đồng vay sau:

- Ngày 19/3/2014 vay 30,000,000 đồng, thời hạn trả là 12 tháng. Ngày 29/4/2014 vay thêm 15,000,000 đồng, viết trong cùng một biên nhận;
- Ngày 27/4/2015 vay 50,000,000 đồng, thời hạn trả 12 tháng;
- Ngày 04/5/2016 vay 30,000,000 đồng, thời hạn trả 12 tháng;
- Ngày 07/5/2017 vay 20,000,000 đồng, thời hạn trả 03 tháng;
- Ngày 27/5/2017 vay 20,000,000 đồng, thời hạn trả 03 tháng.

Tổng cộng số tiền nợ gốc là 165,000,000 đồng. Đến nay, phía bị đơn chưa thanh toán số tiền đã vay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Huỳnh Thị Út T1 và ông Vương Kính S cùng liên đới trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là

165.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh tính từ ngày 01/10/2017 cho đến ngày xét xử tạm tính như sau: 165,000,000 x 1.66%/tháng x 38 tháng = 104,082,000 đồng. Yêu cầu trả gốc và lãi tổng cộng là 269,082,000 đồng.

Ngày 14/3/2021, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện như sau: Buộc bị đơn và chồng cùng liên đới trả số tiền 15,000,000 đồng (là phần tiền vay thêm ghi tại Biên nhận ngày 19/3/2014) và tiền lãi phát sinh từ tháng 10/2017 đến khi xét xử là 104,082,000 đồng.

Nay yêu cầu buộc vợ chồng bị đơn cùng liên đới trả cho nguyên đơn số tiền vốn vay theo 05(năm) hợp đồng đã ký nêu trên là 150,000,000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Huỳnh Thị Út T1 trình bày:

Bà xác nhận có ký tên và ghi họ tên trên các Giấy vay tiền viết tay đúng như nguyên đơn cung cấp, tổng số nợ thành tiền đến năm 2017 là 150,000,000 đồng. Việc vay mượn giữa bà và nguyên đơn có thỏa thuận lãi suất từ 4% đến 5%/tháng nhưng không thể hiện trong biên nhận, bà đã trả lãi đầy đủ đến tháng 9/2017 và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi số tiền vốn là 150,000,000 đồng với các lý do sau:

Tháng 9/2017 bà đã trả cho nguyên đơn 20,000,000 đồng tiền vốn, nhưng nguyên đơn không ghi xác nhận, mà hứa xé giấy nợ.

Tháng 10/2017, nguyên đơn đồng ý không tính lãi và thỏa thuận từ đầu tháng 11/2017, nguyên đơn sẽ đến quán bị đơn ăn hàng trừ nợ, do bà bán đồ ăn sáng như bún măng vịt, hủ tiếu, bún riêu, bún mắm, gỏi vịt.... Tổng số tiền ăn do chính nguyên đơn báo lại cho bà biết là: từ tháng 11/2017 đến 30/12/2019, vị chi mỗi ngày 60,000 đồng với tổng số tiền là 43,235,000 đồng; từ ngày 01/01/2020 đến 17/7/2020 tiền ăn là 13,790,000 đồng.

Từ tháng 01/2018 bà được Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Thái Bình trả trợ cấp cho bà với nhiệm vụ tổ phó Tổ 63, Khu phố 4, mỗi tháng là 350,000 đồng. Do nguyên đơn là tổ trưởng nên đã ký nhận luôn số tiền này và thỏa thuận cấn trừ vào số tiền vay theo Biên bản hòa giải ngày 20/11/2019 V/v khiếu nại tiền trợ cấp của bà Huỳnh Thị Út T1. Tổng số tiền là 11,200,000 đồng.

Việc vay tiền không liên quan đến chồng bà là ông Vương Kính S, bà vay tiền sử dụng cho mục đích cá nhân, không mang về gia đình và chồng không biết. Ông Vương Kính S không ký tên vào các hợp đồng vay tiền, bà không đồng ý đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Vương Kính S liên đới cùng trả nợ. Bà đồng ý trả nợ cho nguyên đơn số tiền 61,775,000 đồng sau khi đã trừ đi các khoản nêu trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Vương Kính S trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của vợ ông – bà Huỳnh Thị Út T1. Ông không đồng ý có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cùng với bà Huỳnh Thị Út T1 vì không liên quan khoản nợ trên, không ký tên vào các hợp đồng vay.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2021/DS-ST ngày 13 tháng 4 năm 2021, Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh đã:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 235; khoản 2 Điều 244; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự,

Căn cứ vào Điều 256, Điều 280, Điều 290 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 13 Nghị định số 01/2014/NQ-HĐTP 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vương Ngân N: Buộc bà Huỳnh Thị Út T1 phải thanh toán cho bà Vương Ngân N tổng số tiền là 150,000,000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng). Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T1 chưa thanh toán đủ số tiền như đã nêu trên thì hàng tháng bà N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vương Ngân N về việc buộc ông Vương Kính S có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả tiền cùng với bà Huỳnh Thị Út T1.

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Huỳnh Thị Út T1 và ông Vương Kính S thanh toán 15,000,000 đồng tiền nợ gốc và 104.082.000 đồng tiền nợ lãi.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 19/4/2021, Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh nhận được Đơn kháng cáo của bà Vương Ngân N, kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Vương Ngân N và ông Vương Kính S cùng liên đới trả cho bà N tổng số tiền là 150,000,000 đồng, trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 22/4/2021, Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh nhận được Đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị Út T1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, trong đó nợ gốc chỉ còn 130,000,000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng) được nguyên đơn viết xác nhận sau Giấy vay tiền ngày 27/5/2017; được cấn trừ số tiền phụ cấp lương tổ phó mà nguyên đơn đã nhận thay là 11,200,000 đồng theo Biên bản hòa giải ngày 20/11/2019 và tiền ăn hàng ngày do nguyên đơn đã đồng ý "ăn trừ nợ hàng ngày", tổng cộng hai khoản tiền là 68,583,000 đồng; tổng số tiền còn thiếu sau khi trừ đi các khoản nêu trên còn 61,417,000 đồng

Ngày 29/4/2021, Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh nhận được Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, kháng nghị một phần bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận số tiền 11,200,000 đồng bị đơn nêu là ý kiến phản bác, không phải là yêu cầu phản tố như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm. Đồng thời sửa bản án sơ thẩm buộc bà Huỳnh Thị Út T1 trả nợ số tiền 138,800,000 đồng (150,000,000 đồng - 11,200,000 đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Quận M. Nguyên đơn và bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn với lý do việc vay nợ của bị đơn để buôn bán nhằm mục đích chi tiêu trong gia đình trong khi ông Vương Kính S không có nghề nghiệp ổn định.

Bị đơn không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn với lý do, ông đi làm có thu nhập, mọi khoản tiền mang về đưa cho vợ để lo cho con ăn học. Bà T1 vay tiền ông không ký tên, không biết nên ông không có nghĩa vụ trả nợ. Đối với khoản tiền 20,000,000 đồng vợ ông đã trả cho nguyên đơn, mặc dù không

được nguyên đơn ký xác nhận cho vợ ông nhưng tại giấy vay nợ nguyên đơn đã chốt sổ với nội dung không tiếp tục tính lãi với tổng số nợ là 130,000,000 đồng.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận M. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn tương ứng với kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa;

Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Vương Ngân N, bà Huỳnh Thị Út T1 được làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đương sự đều thuộc trường hợp được miễn án phí nên không phải đóng tạm ứng án phí theo quy định; Kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Quận M trong thời hạn quy định tại Điều 278, Điều 279, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận về hình thức.

Về nội dung:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng bị đơn cùng liên đới trả số tiền 150,000,000 đồng, căn cứ cho yêu cầu là 05 (năm) giấy vay tiền, cụ thể là: Giấy vay tiền ngày 19/3/2014 vay 30,000,000 đồng; Giấy vay tiền ngày 27/4/2015 vay 50,000,000 đồng; Giấy vay tiền ngày 04/5/2016 vay 30,000,000 đồng; Giấy vay tiền ngày 07/5/2017 vay 20,000,000 đồng; Giấy vay tiền ngày 27/5/2017 vay 20,000,000 đồng. Tổng cộng số tiền là 150,000,000 đồng. Bị đơn bà Huỳnh Thị Út T1 thừa nhận chữ ký và chữ viết người nhận tiền trong các hợp đồng vay nêu trên là của bà nhưng bà đã trả một phần như nội dung tại đơn kháng cáo. Nguyên đơn yêu cầu buộc vợ chồng bị đơn cùng liên đới chịu trách nhiệm trả nợ. Do đó, vấn đề Hội đồng xét xử phúc thẩm cần đặt ra là xác định số tiền 11,200,000 đồng tiền trợ cấp tổ phó của bị đơn được nguyên đơn nhận thay để cấn trừ vào tiền vay; Giấy nợ ngày 27/5/2017 do nguyên đơn cung cấp cho

Tòa án có nội dung được ghi phía sau có phải nội dung "*ngưng trả lãi từ tháng 10 năm 2017, Huỳnh Thị Út T1 (TC 130,000,000 đồng)*" là nguyên đơn xác nhận bị đơn đã trả 20,000,000 đồng như bị đơn đã trình bày và số tiền 57,383,000 đồng bị đơn nêu nguyên đơn đã ăn hàng ngày để trừ nợ, làm cơ sở để giải quyết kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Quận M và yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Đồng thời xem xét đến trách nhiệm liên đới của ông Vương Kính S để giải quyết yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

[2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát Quận M và kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị Út T1 đối với số tiền 11,200,000 đồng.

[2.1] Tại Biên bản hòa giải V/v khiếu nại tiền trợ cấp của chị Huỳnh Thị Út T1, tổ phó tổ 63, khu phố 4, phường Nguyễn Thái Bình, Quận M, tại trụ sở Khu phố 4 vào ngày 20/11/2019 có nội dung: "*Tiền phụ cấp hàng tháng từ tháng 01/2018 đến tháng 8/2020 (32 tháng) của bà Huỳnh Thị Út T1 do bà Vương Ngân N nhận giùm là 11,200,000 đồng. Chị Nữ sẽ trừ vào số tiền chị Út Thôi đang nợ chị Nữ"*. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự thừa nhận nội dung biên bản này là đúng, nhưng đại diện nguyên đơn cho rằng thỏa thuận này không phải để trừ vào số tiền vay 150,000,000 đồng mà là vào số tiền khác, nhưng không đưa ra được căn cứ để chứng minh. Bị đơn xác định ngoài số tiền vay này bị đơn không còn vay nguyên đơn khoản nào khác. Do đó, nếu nguyên đơn không chứng minh đã trừ tiền vào khoản nợ khác, thì cần xác định nội dung thỏa thuận nêu trên các bên thống nhất trừ số tiền 11,200,000 đồng vào khoản tiền 150,000,000 đồng. Nên yêu cầu được trừ khoản tiền này trong tổng số nợ vay vì hai bên đã có thỏa thuận như nội dung tại Biên bản hòa giải nêu trên trước khi nguyên đơn khởi kiện cần được xác định là để phản bác một phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn mà không phải yêu cầu khác của bị đơn nhằm bù trừ nghĩa vụ trả nợ trong vụ án này.

[2.2] Do đó Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng việc bị đơn yêu cầu bù trừ nghĩa vụ đối với số tiền 11,200,000 đồng là yêu cầu phản tố và buộc bị đơn phải thực hiện thủ tục tố tụng quy định tại Điều 202 Bộ luật Tố tụng Dân sự, mới xem xét giải quyết trong cùng vụ án này là nhận định không khách quan, đánh giá chứng cứ không toàn diện như Kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Quận M. Cần xác định số tiền 11,200,000 đồng nguyên đơn thừa nhận đã trừ vào khoản vay tại Biên bản hòa giải ngày 20/11/2019 không phải là yêu cầu phản tố của bị đơn, chấp nhận kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Quận M. Sửa một phần bản án sơ thẩm trừ số tiền 11,200,000 đồng mà nguyên đơn đã nhận.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn cho rằng đã trả 20,000,000 đồng tiền vốn cho nguyên đơn.

[3.1] Căn cứ Biên bản giao nộp chứng cứ ngày 29/3/2021, có nội dung đại diện nguyên đơn giao nộp bản chính 05 Giấy mượn tiền các ngày 19/3/2014; ngày 07/5/2015; ngày 27/4/2015; ngày 04/5/2016 và ngày 27/5/2017. Đồng thời xác định 05 Giấy vay tiền nêu trên do nguyên đơn viết nội dung và ký tên tại phần người giao tiền, bị đơn ký tên phần người nhận tiền. Mặt sau của Giấy vay tiền ngày 27/5/2017, không biết có phải của nguyên đơn viết hay không nhưng không yêu cầu giám định chữ viết và cho rằng không phải là chứng cứ để xem xét vì không có chữ ký của nguyên đơn.

[3.2] Xét thấy, tại Giấy vay ngày 27/5/2017 có nội dung "*Tôi tên Huỳnh Thị Út T1 ... có vay của chị Nữ, tức Vương Ngân N.... 20,000,000 đồng vào ngày 27/5/2017. Hẹn 3 tháng sau trả cam kết đúng ngày 27/9/2017*." Mặt sau của Giấy vay ngày 27/5/2017 có ghi nội dung "*Tạm ngưng đóng lãi vào tháng 10/2017 Huỳnh Thị Út T1 (TC: 130,000,000)*". Căn cứ Đơn khởi kiện và Đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có nội dung tính lãi từ tháng 10 năm 2017. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện nguyên đơn thừa nhận nguyên đơn đã nhận lãi đầy đủ của bị đơn từ năm 2014 đến hết tháng 9 năm 2017, nhưng không có làm giấy ký nhận tiền lãi. Bị đơn nêu trong quá trình vay mượn trả tiền vón và lãi thì chỉ lập Giấy ký nhận tiền của nguyên đơn mà không có biên nhận tiền của bị đơn. Đủ cơ sở xác định trong quá trình vay tiền từ năm 2014 đến nay nguyên đơn chỉ lập Giấy ký nhận tiền vay với bị đơn còn tất cả các khoản bị đơn giao đều không ký nhận. Do đó, mặt sau của Giấy vay ngày 27/5/2017 có ghi nội dung "*Tạm ngưng đóng lãi vào tháng 10/2017 Huỳnh Thị Út T1 (TC: 130,000,000)*", do chính nguyên đơn cung cấp có nội dung phù hợp với thời gian trả lãi như nguyên đơn yêu cầu trong đơn khởi kiện, nội dung được viết ra là có lợi cho bị đơn, được ghi trong tài liệu do chính nguyên đơn cung cấp nên cũng không cần nguyên đơn phải ký tên mới được xem là chứng cứ như trình bày của đại diện nguyên đơn. Cần được xem nguyên đơn đã thừa nhận đến tháng 9 năm 2017 bà Huỳnh Thị Út T1 còn nợ tổng cộng 130,000,000 đồng như trình bày của bị đơn.

[3.3] Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã trả 20,000,000 đồng được nguyên đơn ghi chú tại mặt sau của Giấy vay ngày 27/5/2017, mà không cần chữ ký xác nhận của nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn cung cấp chứng cứ về việc nguyên đơn có ký nhận 20,000,000 đồng làm căn cứ không chấp nhận ý kiến phản bác của bị đơn là

đánh giá chứng cứ không toàn diện. Cần chấp nhận kháng cáo của bị đơn về phần này sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu phản bác của bị đơn về số nợ đã trả 20,000,000 đồng trong tổng số tiền 150,000,000 đồng. Công nhận bà Huỳnh Thị Út T1 còn còn nợ nguyên đơn số tiền 130,000,000 đồng.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị Út T1 về số tiền 57,383,000 đồng nguyên đơn ăn sáng hàng ngày tại quán của bị đơn để trừ nợ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[4.1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ nội dung được ghi tại mặt sau của Giấy vay tiền ngày 20/11/2017 có nội dung tạm ngưng đóng lãi từ tháng 10/2017 và sau đó nguyên đơn thỏa thuận ăn hàng tại quán bị đơn để trừ vào nợ gốc. Cần xác định đây là ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì bà Huỳnh Thị Út T1 cho rằng hai bên đã thỏa thuận để bị đơn ăn hàng để trừ vốn gốc. Khác với việc nguyên đơn ăn hàng chưa trả tiền nên bị đơn phải có yêu cầu đòi số tiền ăn hàng chưa trả để đối trừ nghĩa vụ trả nợ vay của nguyên đơn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định ý kiến này của bà Huỳnh Thị Út T1 là yêu cầu phản tố và buộc bị đơn phải thực hiện thủ tục tố tụng quy định tại Điều 202 Bộ luật Tố tụng Dân sự, mới xem xét giải quyết trong cùng vụ án này là nhận định không có căn cứ vững chắc.

[4.2] Tuy nhiên, căn cứ lời trình bày và các tài liệu của bà Huỳnh Thị Út T1 cung cấp liên quan đến việc ăn hàng trừ nợ, nhưng không được nguyên đơn thừa nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không cung cấp được chứng cứ mới, xác định những người hàng xóm biết sự việc ăn hàng trừ nợ nhưng không chịu đến Tòa án để làm chứng. Đơn làm chứng ghi tên Huỳnh Tấn Ngưng có trong hồ sơ, không có xác nhận chữ ký không thể là căn cứ để xem xét.

[4.3] Từ những căn cứ nêu trên không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị Út T1 đối với số tiền 57,383,000 đồng nguyên đơn ăn hàng trừ nợ vay.

[5] Xét kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu sửa án sơ thẩm buộc vợ chồng bị đơn phải liên đới cùng chịu trách nhiệm trả nợ. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định cho rằng nguyên đơn cho bà Huỳnh Thị Út T1 vay tiền là trong thời kỳ hôn nhân nhưng trong 05 giấy vay đều không có chữ ký của chồng bà. Bị đơn ông Vương Kính S xác định không biết, không được vợ ông trao đổi về các khoản vay, bản thân ông đi làm đủ tiền lo cho các con ăn học. Nguyên đơn không chứng minh được số tiền bà Huỳnh Thị Út T1 vay là để phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình để làm căn cứ không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận. Do đó cần giữ nguyên bản án sơ thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về phần này.

[6] Từ những căn cứ nêu trên, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Quận M, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm như sau: Buộc bà Huỳnh Thị Út T1 phải thanh toán cho bà Vương Ngân N tổng số tiền 150,000,000 đồng – 20,000,000 đồng – 11,200,000 đồng = 118,800,000 đồng. Do sửa một phần bản án sơ thẩm và nguyên đơn là người trên 60 tuổi, bị đơn thuộc hộ nghèo đều có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015,

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2021/DS-ST ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Quận M, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị Út T1, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Vương Ngân N.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vương Ngân N: Buộc bà Huỳnh Thị Út T1 phải thanh toán cho bà Vương Ngân N tổng số tiền là 118,800,000 đồng (một trăm mười tám triệu, tám trăm nghìn đồng). Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà Vương Ngân N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Huỳnh Thị Út T1 chưa thanh toán đủ số tiền như đã nêu trên thì hàng tháng bà N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vương Ngân N về việc buộc ông Vương Kính S có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả tiền cùng với bà Huỳnh Thị Út T1.

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Huỳnh Thị Út T1 và ông Vương Kính S thanh toán 15,000,000 đồng tiền nợ gốc và 104.082.000 đồng tiền nợ lãi tính từ tháng 10 năm 2017.

4. Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm các đương sự không phải chịu.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự TP.Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân Quận M;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận M;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Kim Anh